TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2024/DSST
Ngày: 06/3/2024
"V/v tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2023/TLST-DS ngày 20/11/2023 về việc "tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐST-DS ngày 15/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-DS ngày 01/02/2024, Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 03/TB-HĐXX ngày 15/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY (tên cũ là Công ty TNHH S1). Trụ sở chính: 128 N, phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông SOMYOT NGERNDAMRONG. chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị và ông KANOKWATPAISAL NAPAT. Chức danh: Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Phước T, Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/10/2023). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Tấn T1, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Trần Phước T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 22/7/2022 ông T1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1-Chi nhánh S2. Cụ thể theo hợp đồng số SDM220701009NA20X được ký giữa các bên ngày 22/7/2022 số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến là 024.62739677. Ông T1 ký hợp đồng cầm cố tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 66V1 – 700.64, loại xe Honda SH mode, số khung RLHJF5169LZ022503, số máy JF87E5239765, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 013471 do Công an huyện L cấp ngày 18/7/2022, để lấy số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 18 tháng, từ ngày 22/7/2022 đến 22/01/2024, mức lãi suất 1,1%/tháng. Phía công ty đã giải ngân số tiền này cho ông T1. Do có nhu cầu đi lại nên Công ty có ký giấy mượn xe cho ông T1 mượn lại xe để làm phương tiện đi lại, thời gian mượn xe là từ ngày 22/7/2022 đến 22/8/2022, địa điểm trả là tại chi nhánh S2. Qúa trình trả nợ, ông T1 đã không thanh toán như thỏa thuận và cũng không giao trả xe lại cho Công ty.

Nay Công ty yêu cầu ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền gốc còn lại là 13.915.523 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/7/2023 đến ngày 15/01/2024 là 1.370.433 đồng (trong hạn là 867.401 đồng, quá hạn là 1.214.810 đồng), tiền phí quản lý hồ sơ 394.273 đồng, tiền phí hao mòn tài sản là 3.933.475 đồng. Tổng cộng là 20.325.482 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/01/2024 theo mức lãi suất đã ký theo hợp đồng đã ký cho đến khi ông T1 trả xong nợ. Trường hợp ông T1 không trả nợ thì yêu cầu ông T1 trả lại tài sản cầm cố mà ông T1 đã mượn lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Đối với đương sự Đỗ Tấn T1 Tòa án đã tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đương sự T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Tấn T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY tiền nợ gốc còn lại là 13.915.523 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/7/2023 đến ngày15/01/2024 là 1.370.433 đồng , tiền phí quản lý hồ sơ 394.273 đồng, tiền phí hao mòn tài sản là 3.933.475 đồng. Tổng cộng là 20.325.482 đồng.

Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY có nghĩa vụ trả lại cho ông T1 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số biển kiểm soát 66V1 – 700.64, do ông Đỗ Tấn T1 đứng tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đỗ Tấn T1 trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 01/02/2024, ông T1 vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 19/02/2024 và thông báo dời phiên tòa vào ngày 06/3/2024. Tại phiên tòa hôm nay anh T1 vẫn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền cầm cố còn nợ và tiền lãi nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản". Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo đơn khởi kiện 14/10/2023 thì nguyên đơn là Công ty S1. Tuy nhiên 23/02/2024 Tòa án đã nhận được: Thông báo về việc thay đổi Công ty của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 2901807716 và Quyết định của chủ sở hữu Công ty TNHH S3, tại Điều 2 của Quyết định có ghi: Chuyển đổi Công ty TNHH S1 thành Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY. Do đó, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn trong vụ án này là Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY.

[3]. Về nội dung:

Vào ngày 22/7/2022 ông T1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty S1 - Chi nhánh S2. Cụ thể theo hợp đồng số SDM220701009NA20X được ký giữa các bên ngày 22/7/2022 số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến là 024.62739677. Ông T1 ký hợp đồng cầm cố tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 66V1 – 700.64, loại xe Honda SH mode, số khung RLHJF5169LZ022503, số máy JF87E5239765, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 013471 do Công an huyện L cấp ngày 18/7/2022, để lấy số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 18 tháng, từ ngày 22/7/2022 đến 22/01/2024, mức lãi suất 1,1%/tháng. Phía công ty đã giải ngân số tiền này cho ông T1. Do có nhu cầu đi lại nên Công ty có ký giấy mượn xe cho ông T1 mượn lại xe để làm phương tiện đi lại, thời gian mượn xe là từ ngày 22/7/2022 đến 22/8/2022, địa điểm trả là tại chi nhánh S2. Qúa trình trả nợ, ông T1 đã không thanh toán như thỏa thuận và cũng không giao trả xe lại cho Công ty.

Để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án hợp đồng cầm cố ngày 22/7/2022 và Phụ lục hợp đồng cầm cố, có chữ ký bên khách hàng Đỗ Tấn T1, giấy mượn xe ngày 22/7/2022 bên người mượn xe ký tên Đỗ Tấn T1.

Hết thời hạn mượn xe là một tháng, đến nay ông T1 vẫn không trả lại xe như đã cam kết. Tính đến ngày 22/5/2023, anh T1 đã trả được gốc là 15.084.477

đồng, còn lại 13.915.523 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/7/2023 đến ngày15/01/2024 là 1.370.433 đồng (trong hạn là 867.401 đồng, quá hạn là 1.214.810 đồng), tiền phí quản lý hồ sơ 394.273 đồng, tiền phí hao mòn tài sản là 3.933.475 đồng. Tổng cộng là 20.325.482 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/01/2024 theo mức lãi suất đã ký theo hợp đồng đã ký cho đến khi ông T1 trả xong nợ.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu ông T1 trả số tiền trên và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/01/2024 theo mức lãi suất đã ký theo hợp đồng đã ký cho đến khi ông T1 trả xong nợ.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố ngày 22/7/2022 có các nội dung cơ bản như: Số tiền cầm cố là 29.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 22/7/2022 đến 22/01/2024, lãi suất cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn, phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế, phí hao mòn tài sản là 2,1%/tháng, bên nhận cầm cố có quyền xử lý tài sản cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Tuy nhiên, toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án, mặc dù ông T1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đều vắng mặt không lý do, không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó, Tòa án căn cứ vào những chứng cứ chứng minh của nguyên đơn để xem xét giải quyết và xác định yêu cầu của nguyên đơn đối với ông T1 là có căn cứ, Tòa án chấp nhận.

[3]. Về án phí: Đỗ Tấn T1 bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải nộp án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316 của Bộ luật dân sự năm 2015; ; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY.

Buộc ông Đỗ Tấn T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY tiền nợ gốc còn lại là 13.915.523 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/7/2023 đến ngày 15/01/2024 là 1.370.433 đồng (Lãi trong hạn là 867.401 đồng, quá hạn là 1.214.810 đồng), tiền phí quản lý hồ sơ 394.273 đồng, tiền phí hao mòn tài sản là 3.933.475 đồng. Tổng cộng là 20.325.482 đồng (Hai mươi triệu, ba trăm nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/01/2024 theo mức lãi suất đã ký theo hợp đồng cầm cố số SDM220701009NA20X được ký ngày 22/7/2022 cho đến khi ông Đỗ Tấn T1 trả xong nợ.

Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY có nghĩa vụ trả lại cho ông Đỗ Tấn T1 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số biển kiểm soát 66V1 – 700.64, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 013471 do Công an huyện L cấp ngày 18/7/2022 , do ông Đỗ Tấn T1 đứng tên.

Trường hợp ông Đỗ Tấn T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông Đỗ Tấn T1 phải giao trả lại cho Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY tài sản cầm cố mà ông T1 đã mượn theo giấy mượn xe ngày 22/7/2022 là 01 xe môtô biển kiểm soát 66V1 – 700.64, loại xe Honda SH mode, số khung RLHJF5169LZ022503, số máy JF87E5239765, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 013471 do Công an huyện L cấp ngày 18/7/2022 do ông Đỗ Tấn T1 đứng tên và Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY có quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Đỗ Tấn T1 có nghĩa vụ nộp 1.016.000 đồng (Một triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 437.500 đồng (Bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0003381 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Quan Nam